

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2022/HNGĐ- ST**

Ngày : 30.3.2022

V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Quế**

2. Ông **Trần Ngọc Biên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Vương**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Hồng**- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 168/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phan Thị N**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 4, xã LN1, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

- Bị đơn: Anh **Đỗ Văn N1**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn LT, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Chị N có mặt, anh N1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Đỗ Văn N1 có thời gian tìm hiểu quen biết nhau khoảng 05 năm mới tiến tới hôn nhân, chung sống tự nguyện từ năm 2019, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LN1, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 17/6/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại tổ 2, thị trấn LT, huyện B. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Chị N trình bày anh N1 cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều người phải bán nhà trả nợ, không lo làm ăn để đảm bảo cuộc sống gia đình. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã xúc phạm nhau. Từ tháng 7/2021 vợ chồng ly thân, phận ai nấy sống, chị N về thôn 4, xã LN1 sinh sống với bố mẹ đẻ, còn

anh N1 bán nhà đi nơi khác sinh sống không để lại địa chỉ. Vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm chăm sóc nhau, chị N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh N1.

Về con chung: Chị N trình bày quá trình chung sống chị và anh N1 có một con chung tên là Đỗ Minh H, sinh ngày 01/10/2019. Từ khi vợ chồng ly thân, chị N đang nuôi con chung và chăm sóc con tốt. Nay giải quyết ly hôn, chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi, yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị N trình bày chị và anh N1 không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N trình bày chị và anh N1 không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Văn N1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần đến Tòa án làm việc về nội dung khởi kiện của chị N nhưng anh N1 đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai nào.

Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 17/01/2022 nhưng không thành. Chị N có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải vụ án nữa, yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh N1 vắng mặt không có lý do.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị N, xử cho chị N được ly hôn với anh Đỗ Văn N1. Về con chung cần xem xét giao con chung là Đỗ Minh H, sinh ngày 01/10/2019 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh N1 phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị N và anh Đỗ Văn N1 chung sống với nhau từ năm 2019, hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LN1, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 17/6/2019. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng có cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, yêu thương quan tâm chăm sóc nhau được khoảng 01 năm, sau đó có phát sinh mâu thuẫn dẫn

đến vợ chồng ly thân. Chị N trình bày anh N1 cờ bạc dẫn đến nợ nần và bán nhà trả nợ, không lo làm ăn để đảm bảo cuộc sống gia đình. Qua xác minh chính quyền địa phương nơi sinh sống thì hiện nay chị N và anh N1 không còn sống chung, anh N1 đã bán nhà và đi nơi khác sinh sống cách đây khoảng 04 tháng và không rõ địa chỉ. Từ khi nộp đơn ly hôn đến nay vợ chồng vẫn không hàn gắn đoàn tụ, chị N vẫn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh N1. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị N có mặt, anh N1 vắng mặt nên hòa giải đoàn tụ không thành. Xét thấy cuộc sống hôn nhân của chị N và anh N1 đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ được, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị N được ly hôn với anh N1 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Xét lời khai của chị N, căn cứ bản sao giấy khai sinh chị N xuất trình cho Tòa án thì chị N và anh N1 có 01 con chung tên Đỗ Minh H, sinh ngày 01/10/2019. Xem xét nguyện vọng nuôi con của chị N thì hiện nay con chung dưới 36 tháng tuổi cần người mẹ chăm sóc, từ khi ly thân chị N đang nuôi con, đảm bảo chăm sóc con tốt, đảm bảo sự phát triển bình thường cho con. Anh N1 được triệu tập làm việc nhưng không đến nên không thể hiện ý kiến về con chung. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, căn cứ vào các Điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung là Đỗ Minh H, sinh ngày 01/10/2019 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị N trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Xét mức cấp dưỡng này phù hợp với pháp luật và thực tế các chi phí phát sinh nuôi con hiện tại ở địa phương nên cần xem xét chấp nhận.

Về tài sản chung: Chị N trình bày chị và anh N1 không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về nợ chung: Chị N trình bày chị và anh N1 không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc chị Phan Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), buộc anh Đỗ Văn N1 chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 70, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị N đối với anh Đỗ Văn N1 về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị N được ly hôn với anh Đỗ Văn N1.

2. Về con chung: Buộc anh Đỗ Văn N1 phải giao con chung là Đỗ Minh H, sinh ngày 01/10/2019 cho chị Phan Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh N1 phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

“Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình”.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

3. Về án phí: Buộc chị Phan Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0004055 ngày 01/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Buộc anh Đỗ Văn N1 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã LN1, huyện B.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy